TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **10**/2023/QĐST-DS *"V/v xác định, phân chia tài sản chung để thi hành án"*	*Hải Châu, ngày 11 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Chủ tọa phiên họp: Bà **Hồ Thị Mỹ Dung** - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà **Huỳnh Thị Ánh Nguyệt** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên họp: Bà **Hà Thị Thu Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2023/TB -TLVDS ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc *"Yêu cầu xác định, phân chia tài sản chung để thi hành án"* theo quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 02/2023/QĐST –VDS ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng gồm những người tham gia tố tụng sau:

1. Người yêu cầu:

Bà **Đặng Thị Hiền M** – sinh năm 1957; Địa chỉ: Số 02 B phường T, quận H, TP Đà Nẵng, có mặt.

Ông **Văn Hữu C** – sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 02 02 B phường T, quận H, TP Đà Nẵng. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam An Điềm, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt – có đơn đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu bà Đặng Thị Hiền M trình bày:

Bà Đặng Thị Hiền M và ông Văn Hữu C kết hôn với nhau vào năm 1982, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 186 ngày 26/02/1982. Trong thời kỳ hôn nhân, bà Đặng Thị Hiền M và ông Văn Hữu C tạo dựng được khối tài sản chung là

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 17, địa chỉ phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, diện tích 79,50m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3401030830 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/4/2000 đứng tên ông Văn Hữu C, bà Đặng Thị Hiền M. Nguồn gốc tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là mua lại của nhà nước và ông C, bà M ở quản lý , sử dụng từ đó đến nay.

Theo Quyết định thi hành án chủ động số 12/2021/HS/QĐ-CTHADS ngày 07/10/2020 và Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án số 13/QĐ-CTHADS ngày 16/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng thì ông Văn Hữu C phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 146.798.665.482đ cho UBND thành phố Đà Nẵng để sung quỹ nhà nước. Ngày 15/3/2022 Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đã ban hành thông báo số 329 /TB-CTHADS thông báo cho bà M, ông C gởi đơn đến Tòa án có thẩm quyền để yêu Tòa án xác định, phân chia phần quyền sở hữu của mỗi người đối với tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là thửa đất số 34, tờ bản đồ số 17, địa chỉ phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, diện tích 79,50m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3401030830 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/4/2000 đứng tên ông Văn Hữu C, bà Đặng Thị Hiền M theo pháp luật tố tụng dân sự. Kết quả giải quyết của Tòa án là cơ sở để Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng xử lý tài sản chung của ông C, bà M để thi hành án theo quy định của pháp luật.

Do đó, bà M và ông C làm đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về phân chia tài sản chung để thi hành án. Cụ thể, bà M yêu cầu Tòa án xác định, phân chia tài sản chung là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 17, địa chỉ phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, diện tích 79,50m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3401030830 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/4/2000 đứng tên Văn Hữu C, Đặng Thị Hiền M theo tỷ lệ 50: 50, phân chia cho ông C được hưởng 50% trị giá nhà đất và phân chia cho bà M được hưởng 50% trị giá nhà đất nêu trên.

Người yêu cầu ông Văn Hữu C đang thi hành án tại Trại giam An Điềm, tỉnh Quảng Nam có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung theo tỷ lệ 50:50 để ông C có điều kiện thi hành án theo Quyết định thi hành án của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Tại phiên họp, vị đại diện viện kiểm sát phát biểu về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự của thẩm phán, thư ký về thẩm quyền, thời hạn, trình tự thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng quy định của Bộ

luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng ông C, bà M đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc và lời trình bày của bà M tại phiên họp nhận thấy yêu cầu của bà Đặng Thị Hiền M, ông Văn Hữu C yêu cầu Tòa án xác định, phân chia tài sản chung là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 17, địa chỉ phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, diện tích 79,50m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3401030830 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/4/2000 đứng tên Văn Hữu C, Đặng Thị Hiền M theo tỷ lệ 50: 50, chia cho ông C được hưởng 50%, bà M được hưởng 50% là có cơ sở. Đề nghị Thẩm phán căn cứ quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông C, bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu của Văn Hữu C, bà Đặng Thị Hiền M về việc "*xác định, phân chia tài sản chung để thi hành án*" theo thông báo số 329 /TB-CTHADS ngày 15/3/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụngdân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông C và ông C có đơn xin Tòa án giải quyết vắng. Do đó, căn cứ Điều 228, Điều 361 và Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông Văn Hữu C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Văn Hữu C là người phải thi hành án theo Quyết định thi hành án chủ động số 12/2021/HS/QĐ-CTHADS ngày 07/10/2020 và Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án số 13/QĐ-CTHADS ngày 16/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng và theo nội dung của Quyết định thi hành án thì ông Văn Hữu C phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 146.798.665.482đ cho UBND thành phố Đà Nẵng để sung quỹ nhà nước và phải thanh toán khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, 468 BLDS 2015.

Căn cứ quy định tại Điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 về việc xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án quy định:*" Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục dân sự"*. Ngày 15/3/2022 Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đã ban hành thông báo số 329/TB-CTHADS thông báo cho ông C, bà M gởi đơn đến Tòa án có thẩm quyền để yêu Tòa án xác định, phân chia phần quyền sở hữu của mỗi người đối với tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là nhà đất nói trên theo pháp luật tố tụng dân sự. Kết quả giải quyết của Tòa án là cơ sở để Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng xử lý tài sản chung của ông C, bà M để thi hành án theo quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc nhà đất căn cứ kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ tại Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng, chi nhánh tại quận Hải Châu xác định nguồn gốc nhà đất của ông C, bà M có được từ việc mua lại nhà đất do nhà nước quản lý theo Quyết định số 866/QĐ- UB ngày 31/5/1993 của UBND tỉnh Quảng Nam. Qua xem xét thẩm định tại chổ đối với tài sản chung nêu trên thì hiện nay tài sản chung do bà M quản lý, sử dụng và không có thay đổi gì so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2] Xét tài sản của ông C, bà M là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 17, địa chỉ phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, diện tích 79,50m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3401030830 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/4/2000 đứng tên Văn Hữu C, Đặng Thị Hiền M được được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân, bà M và ông C có công sức đóng góp ngang nhau trong việc tạo dựng khối tài sản chung nêu trên, thời điểm tạo dựng khối tài sản chung nêu trên không liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của ông Văn Hữu C đã bị xử lý theo Bản án số 20/2020/HSST ngày 13/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án số 158/2020/HS-PT ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Do đó, việc ông C, bà M yêu cầu phân chia tài sản chung nêu trên cho ông C được hưởng 50% trị giá nhà đất và phân chia cho bà M được hưởng 50% trị giá nhà đất là phù

hợp với quy định tại điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu của ông C, bà M.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000đ(Hai triệu đồng y) người yêu cầu bà Đặng Thị Hiền M tự nguyện chịu (đã nộp và chi xong).

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà M, ông C là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Hiền M và ông Văn Hữu C về việc *"Xác định, phân chia tài sản chung để thi hành án"*.

Xác định tài sản chung của ông Văn Hữu C, bà Đặng Thị Hiền M là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Số 02 Ba Đình, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, diện tích 79,50m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3401030830 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/4/2000 đứng tên Văn Hữu C, Đặng Thị Hiền M.

Ông Văn Hữu C, bà Đặng Thị Hiềm Mai mỗi người được hưởng 50% trị giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 17, địa chỉ phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, diện tích 79,50m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3401030830 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/4/2000 đứng tên Văn Hữu C, Đặng Thị Hiền M.

2. Chi phí tố tụng: Bà Đặng Thị Hiền M tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000đ(Hai triệu đồng), đã nộp và chi xong.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Đặng Thị Hiền M, ông Văn Hữu C

được miễn tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà M có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Ông C có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Hồ Thị Mỹ Dung